CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ

Ngày 31/12/2025	1,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-	-

DT thuần
Q4/25
34.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.0| 68.0%
YoY: ▼0.60| -1.7%

LN thuần
Q4/25
-14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.2| -887%
YoY: ▼10.1| -216%

LN sau thuế
Q4/25
-3.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.3| 78.1%
YoY: ▼21.7| -119%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-22.3%
YoY: +/-▼ 27.5%

ROE
2025
-6.4%
YoY: +/-▼ 6.1%

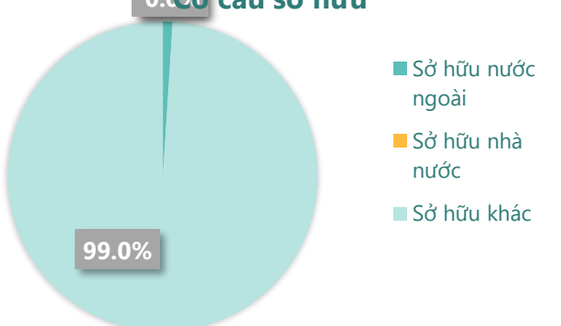
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 2,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	74
Số lượng CPLH (CP)	49,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	117,625
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	1.68
EPS	-576
P/E	-2.6

DT thuần
2025
113
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.0| -27.1%

LN thuần
2025
-22.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.30| -17.1%

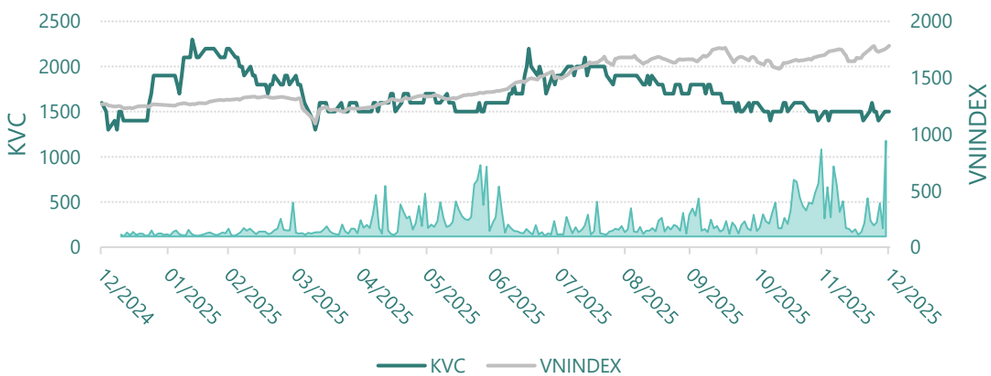
LN sau thuế
2025
-28.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.5| -2648%

Cơ cấu sở hữu

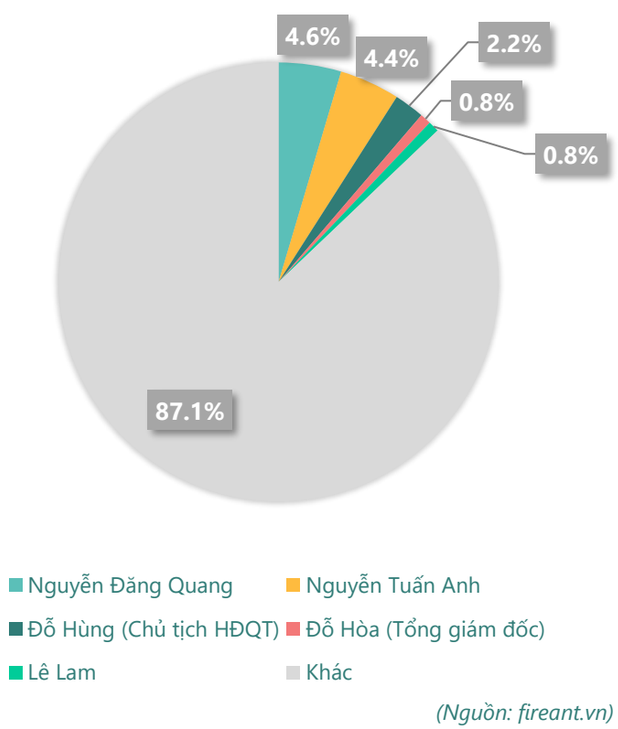


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



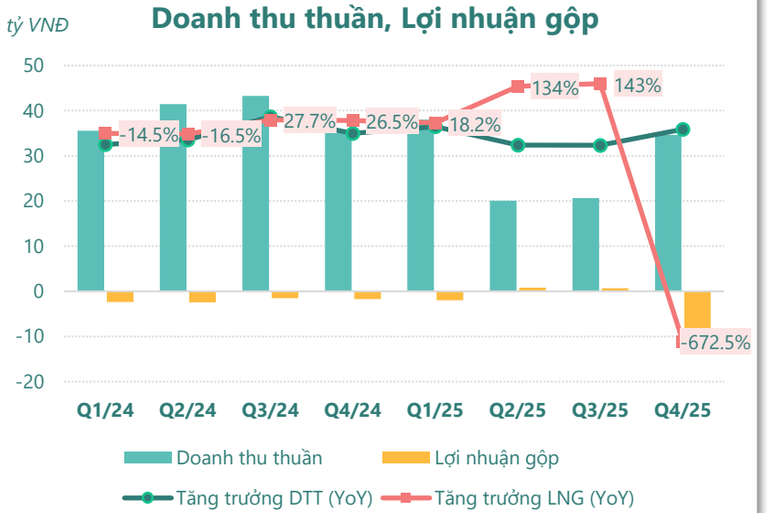
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

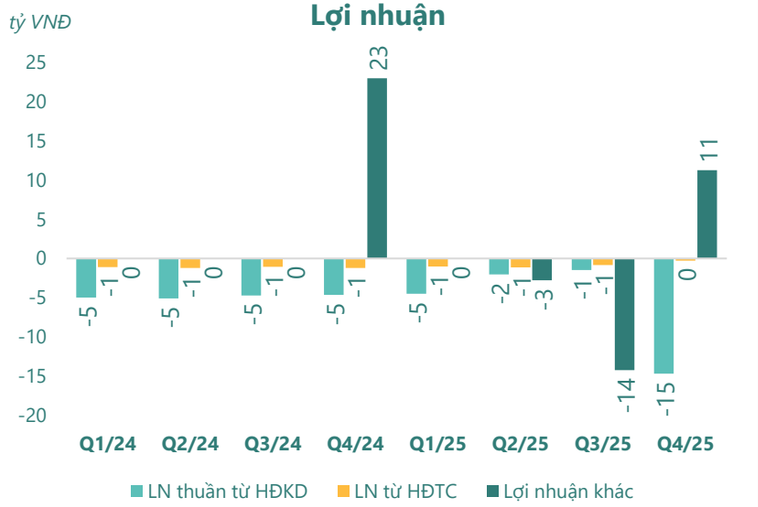
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



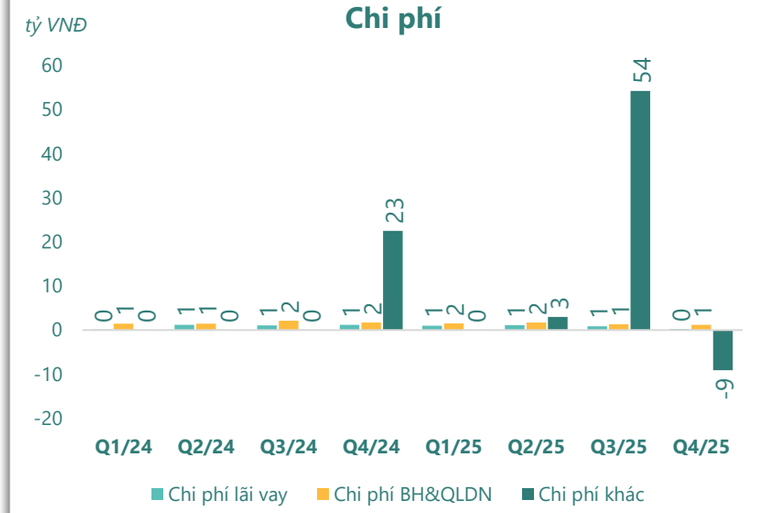
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



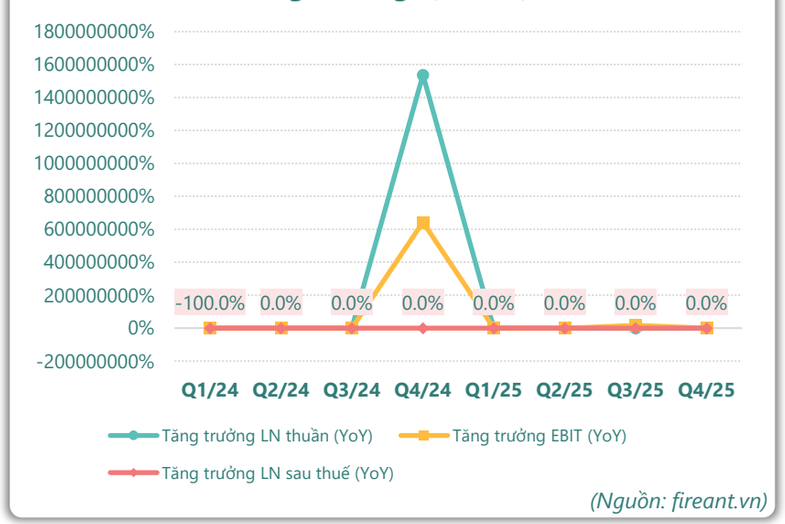
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



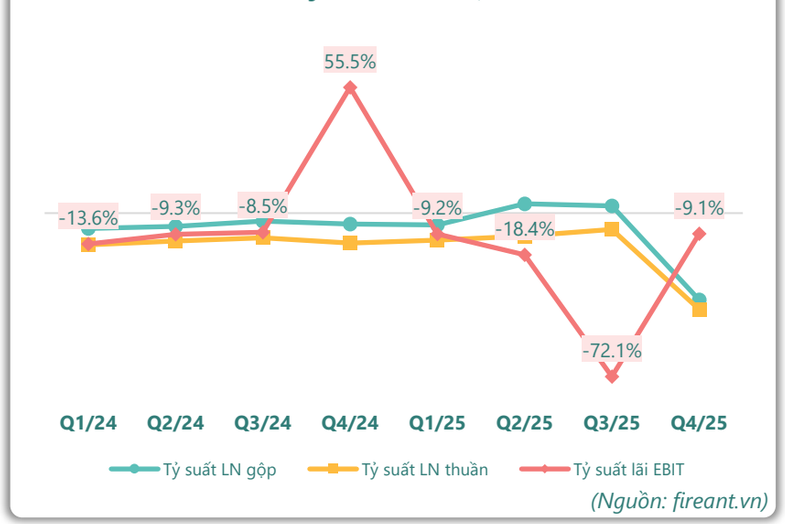
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



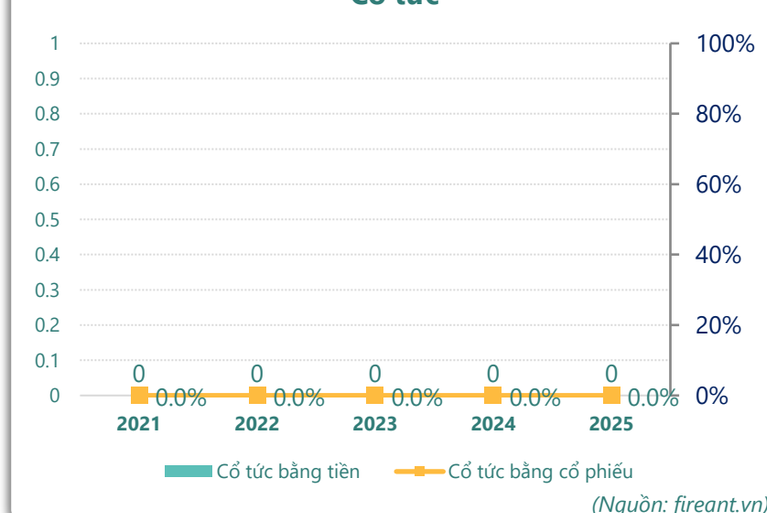
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



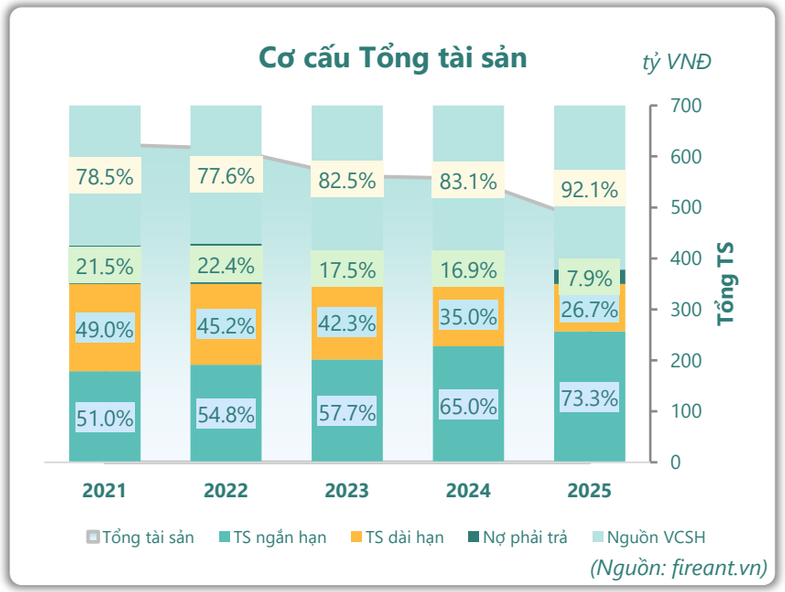
(Nguồn: fireant.vn)

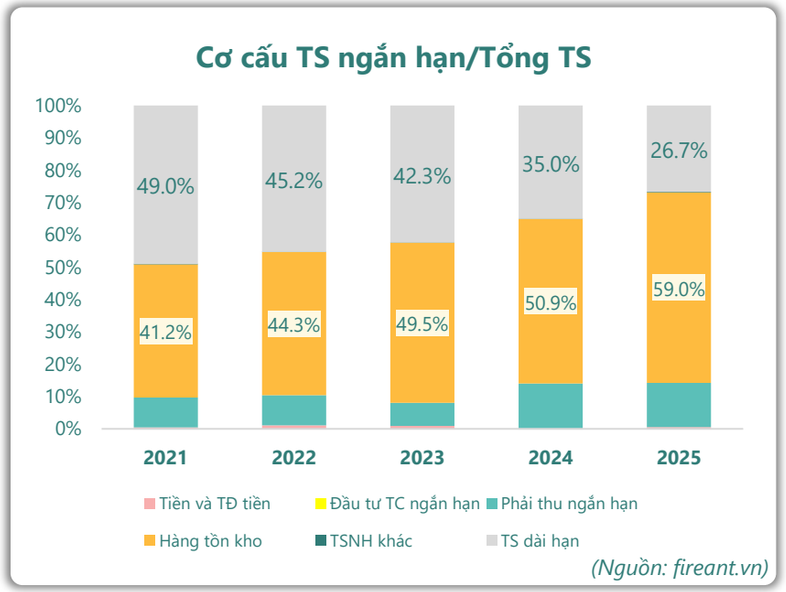
Cổ tức

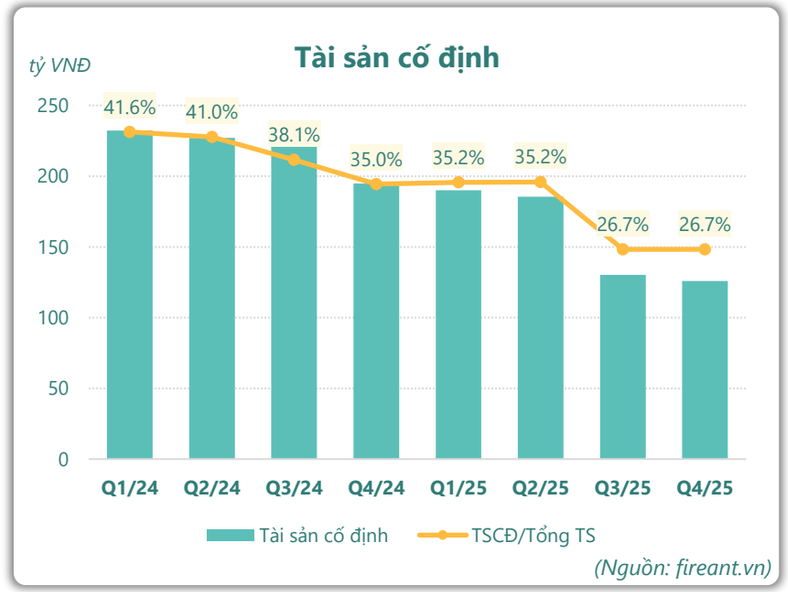


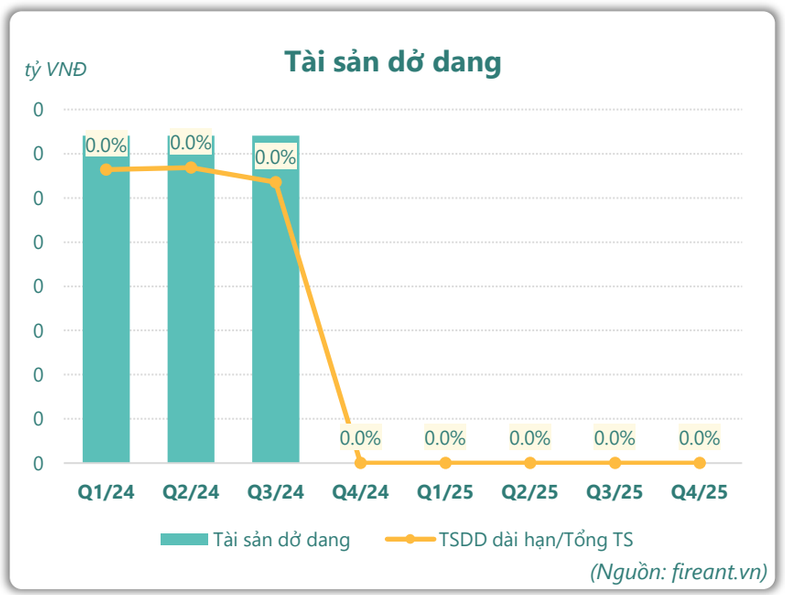
(Nguồn: fireant.vn)

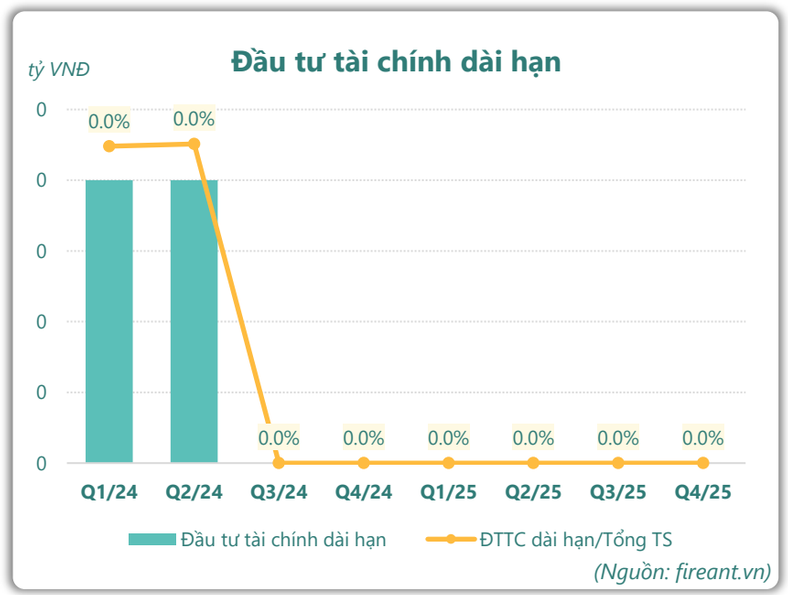
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

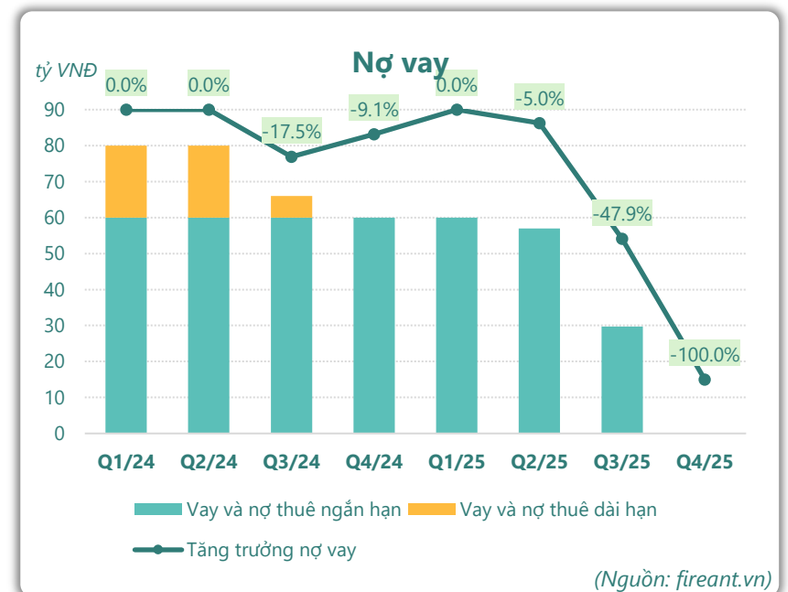






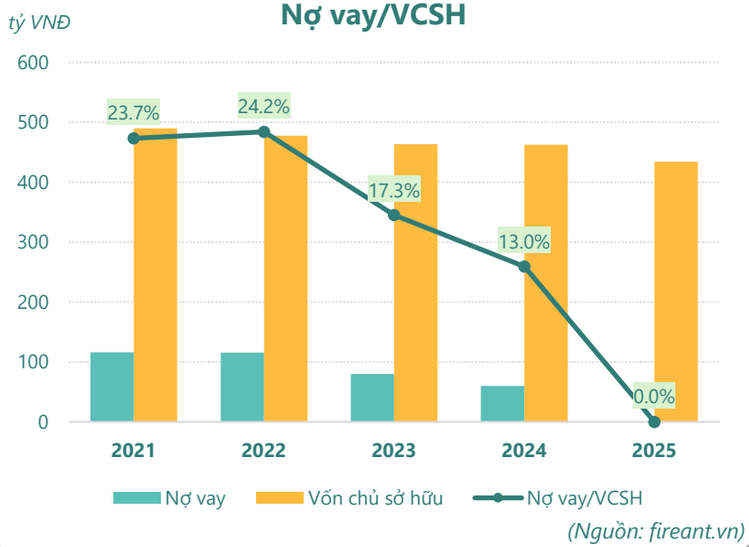






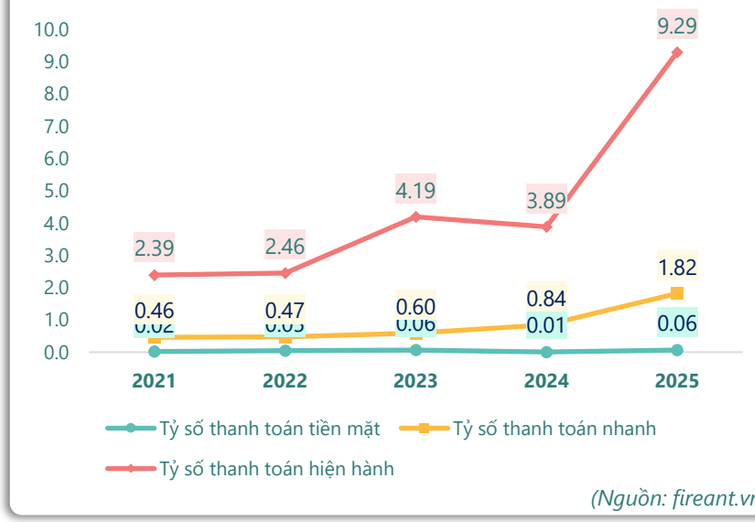
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



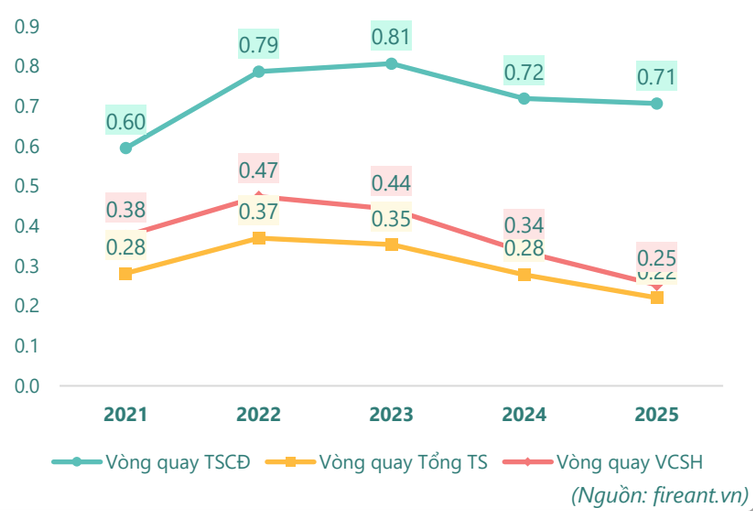
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



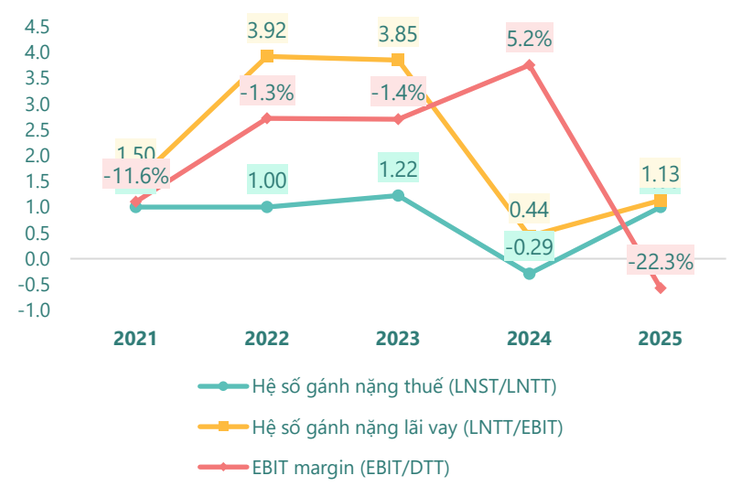
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



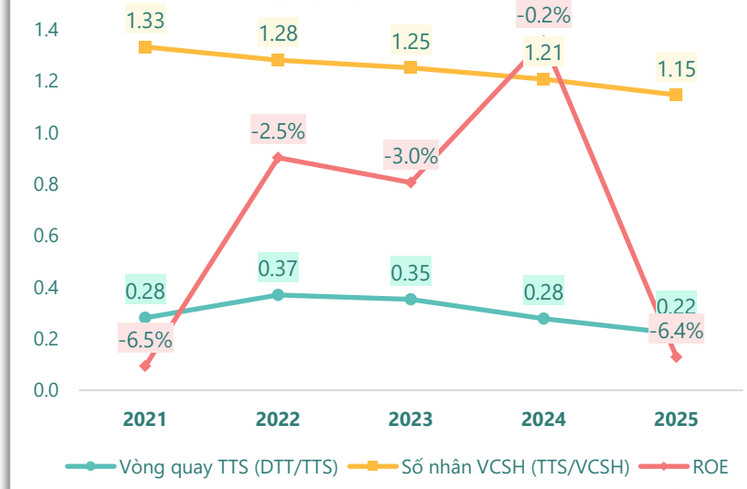
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



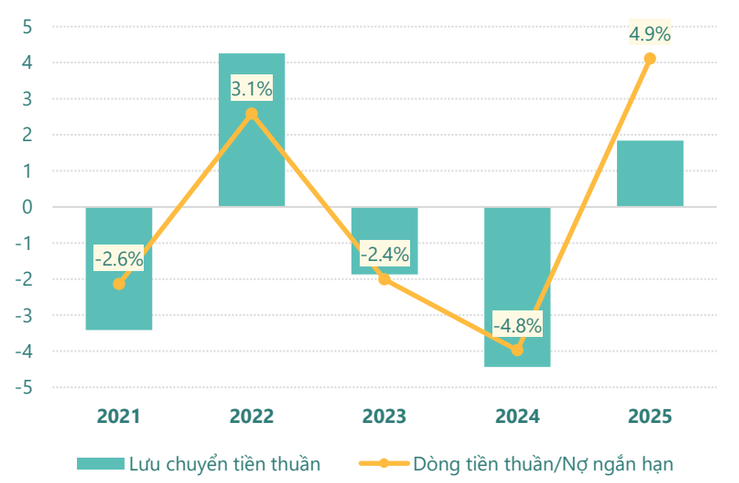
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**34.6**	**35.2**	**-1.7%**	**113**	**155**	**-27.1%**
Giá vốn hàng bán	47.9	36.9	29.7%	127	164	-22.3%
Lợi nhuận gộp	-13.3	-1.72	-670%	-13.7	-8.07	-70.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-85.0%
Chi phí TC	0.29	1.20	-75.9%	3.27	4.59	-28.8%
Chi phí lãi vay	0.29	1.20	-75.9%	3.27	4.59	-28.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.57	0.59	-3.8%	2.25	1.78	25.9%
Chi phí QLDN	**0.60**	**1.15**	**-48.3%**	**3.48**	**4.97**	**-30.0%**
LN thuần từ HĐKD	-14.7	-4.65	-216%	-22.7	-19.4	-17.1%
Lợi nhuận khác	**11.3**	**23.0**	**-51.0%**	**-5.76**	**23.0**	**-125%**
LN trước thuế	-3.44	18.3	-119%	-28.5	3.56	-900%
Lợi nhuận sau thuế	**-3.44**	**18.3**	**-119%**	**-28.5**	**-1.04**	**-2648%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.44**	**18.3**	**-119%**	**-28.5**	**-1.04**	**-2648%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.3	-44.5	3.91	4.26	-4.41	28.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.19	45.5	0.00	0.00	29.7	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.0	-6.00	0	-3.00	-27.3	-29.7
Tiền đầu kỳ	2.92	5.45	0.53	4.44	5.70	3.69
Lưu chuyển tiền thuần	**2.53**	**-4.93**	**3.91**	**1.26**	**-2.01**	**-1.33**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.45	0.53	4.44	5.70	3.69	2.36

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**471**	**556**	**-15.3%**
Tài sản ngắn hạn	346	362	-4.4%
Tiền và tương đương tiền	2.36	0.53	347%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	64.5	77.3	-16.5%
Hàng tồn kho	278	283	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	0.70	1.0%
Tài sản dài hạn	**126**	**195**	**-35.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	126	195	-35.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37.4	93.8	-60.1%
Nợ ngắn hạn	**37.2**	**93.1**	**-60.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	60.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.3	24.6	14.8%
Nợ dài hạn	0.21	0.76	-72.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**434**	**463**	**-6.2%**
Vốn chủ sở hữu	**434**	**463**	**-6.2%**
Vốn điều lệ	495	495	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)